

Bản án số: **08/2023/HS-ST**
Ngày 21 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hải, bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Triệu Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Quý Xuân S, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1989 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, T1 phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tiến H, sinh năm 1962 và bà Trương Thị Thu N, sinh năm 1969; có vợ Nguyễn Đăng H, sinh năm 1994 và 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Tất T1, sinh năm 1998; Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nông Trường, thị trấn Yên S, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang (hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang trong vụ án khác).

2. Chị Lê Ngọc D, sinh năm 1999; Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nông Trường, thị trấn Yên S, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang;

3. Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1990; Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Cây Thị, xã Hợp T1, huyện S Dương, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 4/2022, Phạm Quý Xuân S (sinh năm 1989, trú tại thôn H, xã Thái Long, T1 phố Tuyên Quang) đã nhiều lần cho Nguyễn Tất T1 (sinh năm 1998, trú tại tổ dân phố Nông Trường, thị trấn Yên S, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang) vay lãi nặng để chi tiêu cá nhân (quá trình vay tiền, T1 đã đưa chiếc xe ô tô của mình, nhãn hiệu KIA K5, biển kiểm soát 22A-161.72 cho S giữ để làm tin), cụ thể:

- Ngày 06/4/2022, T1 gọi điện thoại cho S hỏi vay 200.000.000 đồng, hẹn trả trong ngày và sẽ đưa chiếc xe ô tô của mình cho S giữ để làm tin; S nhất trí cho T1 vay số tiền trên với lãi suất thỏa thuận là 30.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương lãi suất 1.095%/năm, cao gấp 54,75 lần so với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự). Khoảng 08 giờ cùng ngày, T1 đi xe ô tô của mình đến phòng trọ của S ở phường Nông Tiến, T1 phố Tuyên Quang, giao xe và chìa khoá cho S giữ; sau đó, S chuyển khoản 100.000.000 đồng từ tài khoản của mình số 116999999999 mở tại Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (LienVietPosBank) đến tài khoản số 1025648999 của T1 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), đồng thời S đưa trực tiếp cho T1 100.000.000 đồng tiền mặt. Đến chiều cùng ngày, T1 chuyển khoản trả cho S 195.500.000 đồng và xin nợ lại 4.500.000 đồng tiền gốc, cùng toàn bộ 6.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay trên. S đồng ý và trả xe ô tô cho T1.

- Sáng ngày 07/4/2022, T1 gọi điện thoại cho S hỏi vay 190.000.000 đồng, hẹn trả trong ngày, lãi suất thỏa thuận là 30.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, S nhất trí. Sau đó, T1 đi xe ô tô của mình đến phòng trọ giao cho S giữ; S chuyển 190.000.000 đồng vào tài khoản số 1025648999 cho T1 vay. Chiều cùng ngày, T1 chuyển trả 195.000.000 đồng vào tài khoản số 116999999999 của S, đồng thời trả trực tiếp cho S 11.200.000 đồng tiền mặt (tổng cộng trả 206.200.000 đồng), gồm tiền gốc vay các ngày 06 và 07/4/2022 là 194.500.000 đồng và tiền lãi của các ngày 06 và 07/4/2022 là 11.700.000 đồng. Sau đó, T1 lấy xe ô tô về.

- Ngày 08/4/2022, T1 gọi điện thoại cho S hỏi vay 198.000.000 đồng, hẹn trả trong ngày, lãi suất thỏa thuận là 30.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, S nhất trí. T1 đi xe ô tô đến phòng trọ giao xe cho S giữ. S chuyển 198.000.000 đồng vào tài khoản số 1025648999 cho T1 vay. Ngoài ra, T1 còn vay thêm của S 2.060.000 đồng tiền mặt, không tính lãi. Chiều cùng ngày, T1 đã chuyển 206.000.000 đồng vào tài khoản số 116999999999 của S để trả hết số tiền gốc, tiền lãi của khoản vay trên (tiền gốc 198.000.000 đồng, tiền lãi 5.940.000 đồng) và 2.060.000 đồng vay nhưng không tính lãi suất. Sau đó, T1 lấy xe ô tô về.

- Ngày 09/4/2022, T1 gọi điện hỏi vay của S 100.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 30.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và hẹn trả trong ngày, S đồng ý; T1 đi xe ô tô đến phòng trọ giao cho S giữ và S đã chuyển khoản 100.000.000 vào tài khoản số 1025648999 cho T1 vay. Mặc dù chưa trả được khoản vay trên, nhưng đến ngày 11/4/2022, T1 tiếp tục gọi điện thoại cho S hỏi vay thêm 100.000.000 đồng, với mức lãi suất như đã thoả thuận, S nhất trí và chuyển khoản cho T1 vay. Chiều ngày 11/4/2022, T1 đã chuyển trả 212.000.000 đồng vào tài khoản số 116999999999 của S (trong đó 200.000.000 đồng là tiền gốc vay các ngày 09, 11/4/2022 và 12.000.000 đồng tiền lãi của cả hai khoản vay). Sau đó, T1 lấy xe ô tô về.

- Ngày 12/4/2022, T1 gọi điện thoại cho S hỏi vay 100.000.000 đồng, S đồng ý cho T1 vay trong ngày, với lãi suất thoả thuận là 30.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. T1 đi xe ô tô đến phòng trọ giao cho S giữ; S chuyển khoản 100.000.000 đồng vào tài khoản số 1025648999 cho T1 vay. Ngày 13/4/2022, T1 hỏi vay thêm của S 400.000.000 đồng, S nhất trí cho vay với lãi suất như đã thoả thuận và chuyển số tiền trên vào tài khoản số 1025648999 cho T1 vay. Ngoài ra, T1 còn vay thêm của S 30.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân (S cho T1 vay số tiền này nhưng không tính lãi).

Sau khi vay tiền, do không có khả năng trả nợ cho S để lấy xe ô tô về, T1 gọi điện hẹn gặp S và đề nghị bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 22A-161.72 cho S để trừ nợ, S đồng ý. T1 viết 01 giấy bán xe ô tô đưa cho S, nhưng do trước đó T1 đã cầm cố giấy tờ đăng ký chiếc xe ô tô này cho anh Nguyễn Hoàng T (trú tại thôn Cây Thị, xã Hợp T1, huyện S Dương) để vay số tiền 700.000.000 đồng (có làm Hợp đồng mua bán xe để làm tin), nên hiện T1 không có giấy tờ đăng ký xe ô tô giao cho S. Khi S yêu cầu T1 giao giấy tờ để hoàn tất thủ tục mua bán xe, T1 đã nói cho S biết việc cầm cố giấy tờ đăng ký xe cho anh T và đề nghị S giao lại chiếc xe ô tô trên để T1 đưa cho anh T trừ nợ, còn số tiền vay của S, T1 sẽ thu xếp trả sau, nhưng S không đồng ý. Sau đó, S đã xé bỏ giấy bán xe ô tô do T1 viết và đưa T1 đến Phòng CSGT Công an tỉnh Tuyên Quang làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe (với lý do bị mất Giấy đăng ký); ngày 30/5/2022, Phòng CSGT Công an tỉnh Tuyên Quang đã cấp lại cho T1 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 22006937 và T1 đã giao cho S giữ, sử dụng cùng với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 22A-161.72.

Đến ngày 28/4/2022, T1 gọi điện cho S hỏi vay thêm 110.000.000 đồng để trả tiền lãi cho anh T, S nhất trí. Do biết T1 đã cầm cố giấy tờ đăng ký chiếc xe ô tô vay tiền của anh T, nên S yêu cầu T1 cùng đến Văn phòng công chứng Mai Lan (phường Phan Thiết, T1 phố Tuyên Quang) làm và công chứng Hợp đồng vay tiền, nội dung Hợp đồng thể hiện S cho T1 vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, kể từ ngày 28/4/2022. Số tiền trên bao gồm: Tiền vay gốc là 640.000.000 (100.000.000 đồng vay ngày 12/4/2022; 400.000.000 đồng vay ngày 13/4/2022; 30.000.000 đồng vay chi tiêu cá nhân trước đó, không tính lãi và 110.000.000 đồng

S chuyển khoản cho T1 vay ngay sau khi lập xong Hợp đồng); tiền lãi trong thời gian 50 ngày là 160.000.000 đồng (tương đương với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày). Đối với số tiền lãi phát sinh của các khoản vay ngày 12/4/2022 và ngày 13/4/2022 nêu trên tính đến ngày lập Hợp đồng vay tiền, S không thu của anh T1. Toàn bộ số tiền vay của S theo Hợp đồng, T1 đã sử dụng chi tiêu cá nhân và đầu tư làm ăn nhưng bị thua lỗ nên chưa thanh toán được cho S cả tiền gốc và lãi.

Như vậy, từ ngày 06/4/2022 đến ngày 11/4/2022, Phạm Quý Xuân S đã sử dụng 200.000.000 đồng cho Nguyễn Tất T1 vay 05 lần (lũy kế tổng số các lần vay là 788.000.000 đồng), lãi suất thỏa thuận là 30.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 1.095%/năm, cao gấp 54,75 lần so với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự); tổng số tiền lãi S đã thu của T1 là 29.640.000 đồng, trong đó tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 541.370 đồng, thu lợi bất chính 29.098.630 đồng. Ngày 28/4/2022, S cho T1 vay tổng số tiền 640.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,25 lần so với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự), thời hạn vay là 50 ngày; tổng số tiền lãi đã xác định trong Hợp đồng vay tiền mà S sẽ thu của T1 là 160.000.000 đồng, trong đó tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 17.534.247 đồng, nhằm thu lợi bất chính là 142.465.753 đồng.

Tổng số tiền gốc S sử dụng cho T1 nhiều lần vay là 640.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng và 30.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm và 1.095%/năm, cao gấp 9,25 lần và 54,75 lần so với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự). Tổng số tiền lãi là 189.640.000 đồng (đã thu 29.640.000 đồng, sẽ thu 142.465.753 đồng), trong đó tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 18.084.617 đồng (đã thu 541.370 đồng, sẽ thu 17.534.247 đồng); thu lợi bất chính 171.564.383 đồng (đã thu 29.098.630 đồng, sẽ thu 142.465.753 đồng).

Cáo trạng số 04/CT-VKSTQ-P1 ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Phạm Quý Xuân S về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Quý Xuân S phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 15; Điều 102 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quý Xuân S từ 09 tháng tù đến 01 năm tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Quý Xuân S cho Ủy ban nhân dân xã Thái Long, T1 phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt tiền bị cáo Phạm Quý Xuân S từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng;

Về các biện pháp tư pháp: Đề nghị căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Truy thu của anh Nguyễn Tất T1 số tiền gốc mà bị cáo S cho anh T1 vay chưa trả là 640.000.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi triệu đồng*).

Truy thu của bị cáo Phạm Quý Xuân S số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 541.370 đồng (*Năm trăm bốn mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng*).

Buộc bị cáo Phạm Quý Xuân S có nghĩa vụ trả lại số tiền đã thu lợi bất chính của người vay là anh Nguyễn Tất T1, số tiền 29.098.630 đồng (*Hai mươi chín triệu không trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*).

Trả lại 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại K5, màu S trắng, biển kiểm soát 22A-161.72 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 22006937 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 30/5/2022 cho anh Nguyễn Tất T1, nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) Hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 22A-161.72 lập ngày 28/3/2022 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Thu Hiền giữa anh Nguyễn Tất T1 và anh Nguyễn Hoàng T (bản gốc); 01 (một) hợp đồng vay tiền đề ngày 28/4/2022 giữa bị cáo Phạm Quý Xuân S và anh Nguyễn Tất T1 (bản gốc);

Tuyên trả 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 22005270, chủ xe Nguyễn Tất T1, cấp ngày 28/01/2022 cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang để xử lý theo quy định.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Quý Xuân S không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Ngọc D trình bày: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại K5 đang bị thu giữ là tài sản riêng của anh Nguyễn Tất T1, anh T1 tự sử dụng tiền riêng để mua xe, do anh T1 có nghĩa vụ nộp lại số tiền gốc bị cáo S đã cho anh T1 vay nên chị nhất trí xử lý xe ô tô trên của anh T1 theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Phạm Quý Xuân S nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, hứa sửa chữa, khắc phục, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Quý Xuân S T1 khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ, các bản sao kê chi tiết giao dịch ngân hàng, hình ảnh giấy vay tiền lưu trên ứng dụng Facebook, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ ngày 06/4/2022 đến ngày 16/6/2022, Phạm Quý Xuân S (sinh năm 1989, trú tại thôn H, xã Thái Long, T1 phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang) đã sử dụng 640.000.000 đồng cho Nguyễn Tất T1 (trú tại tổ dân phố Nông Trường, thị trấn Yên S, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang) nhiều lần vay lãi nặng để thu lợi bất chính và sẽ thu lợi bất chính số tiền 171.564.383 đồng, cụ thể:

- Từ ngày 06/4/2022 đến ngày 11/4/2022, S sử dụng 200.000.000 đồng để cho anh Nguyễn Tất T1 vay nhiều lần, với mức lãi suất 30.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 1.095%/năm, cao gấp 54,75 lần so với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự). Tổng số tiền lãi S đã thu của T1 là 29.640.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 541.370 đồng, thu lợi bất chính số tiền 29.098.630 đồng.

- Ngày 28/4/2022, S cho T1 vay tổng số tiền 640.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,25 lần so với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự), thời hạn vay là 50 ngày. Tổng số tiền lãi S sẽ thu của T1 là 160.000.000 đồng, trong đó tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 17.534.247 đồng, nhằm thu lợi bất chính là 142.465.753 đồng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử đủ căn cứ quy kết bị cáo Phạm Quý Xuân S phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quản lý kinh tế, tiền tệ của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; không những xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là thanh niên có sức khỏe, có nhận thức, biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần phải xét xử bị cáo một mức án nghiêm minh, để nhắc nhở giáo dục bị cáo cũng như giáo dục ý thức pháp luật chung trong quần chúng nhân dân.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng do vậy không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo ở mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Về hình phạt bổ sung: Xét cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền trên mức khởi điểm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc 640.000.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi triệu đồng*) do bị cáo Phạm Quý Xuân S sử dụng cho anh Nguyễn Tất T1 vay là số tiền sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu để sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, tuy nhiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tất T1 chưa trả cho bị cáo S, nên buộc anh Nguyễn Tất T1 phải nộp 640.000.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi 29.098.630 đồng (*Hai mươi chín triệu không trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*) do bị cáo Phạm Quý Xuân S đã thu của người vay anh Nguyễn Tất T1 vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, thì cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Như vậy, bị cáo Phạm Quý Xuân S phải trả cho anh Nguyễn Tất T1, trú tại tổ dân phố Nông Trường, thị trấn Yên S, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang) số tiền 29.098.630 đồng (*Hai mươi chín triệu không trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*).

- Đối với khoản tiền lãi 541.370 đồng (*Năm trăm bốn mươi một nghìn ba trăm bảy mươi nghìn đồng*) không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Phạm Quý Xuân S đã thu của người vay anh Nguyễn Tất T1. Đây là số tiền bị cáo Phạm Quý Xuân S thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Lưu giữ theo hồ sơ 01 (một) Hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 22A-161.72 lập ngày 28/3/2022 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Thu Hiền giữa Nguyễn Tất T1 và anh Nguyễn Hoàng T (bản gốc).

Đối với 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại K5, màu S trắng, biển kiểm soát 22A-161.72 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 22006937 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 30/5/2022 là tài sản hợp pháp, cần tuyên trả cho anh Nguyễn Tất T1 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của anh T1.

Đối với 01 (một) hợp đồng vay tiền, đề ngày 28/4/2022 giữa bị cáo Phạm Quý Xuân S và anh Nguyễn Tất T1 (bản gốc) là tài liệu, chứng cứ cần lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 22005270 cấp ngày 28/01/2022, chủ xe Nguyễn Tất T1, hiện đang lưu theo hồ sơ vụ án được xác định không còn giá trị pháp lý, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 22006937 ngày 30/5/2022 cho anh Nguyễn Tất T1 theo đúng trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe bị mất quy định tại Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ Công an *Quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ*, do vậy cần tuyên trả cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang để xử lý theo quy định pháp luật.

[7] Đối với số tiền lãi nặng 160.000.000 đồng mà bị cáo Phạm Quý Xuân S sẽ thu lợi bất chính (Nếu được trả theo Hợp đồng vay tiền đề ngày 28/4/2022 giữa bị cáo và T1), do đến nay T1 chưa trả cho bị cáo số tiền này, nên không đề cập xử lý.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Quý Xuân S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo phần có liên quan theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 15; Điều 102 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Quý Xuân S phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Phạm Quý Xuân S 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/02/2023).

Giao bị cáo Phạm Quý Xuân S cho Ủy ban nhân dân xã Thái Long, T1 phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt tù của bản án mới theo quy định.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Phạt tiền bị cáo Phạm Quý Xuân S 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu của bị cáo Phạm Quý Xuân S số tiền 541.370 đồng (Năm trăm bốn mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Phạm Quý Xuân S trả lại cho anh Nguyễn Tất T1, trú tại Tổ dân phố Nông Trường, thị trấn Yên S, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang, số tiền 29.098.630 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

Truy thu của anh Nguyễn Tất T1, trú tại Tổ dân phố Nông Trường, thị trấn Yên S, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang số tiền 640.000.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Trả lại cho anh Nguyễn Tất T1 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại K5, màu S trắng, biển kiểm soát 22A-161.72, số máy: G4NAMH626267, số khung: RNYGA44A6NC242639, xe được dán giấy niêm phong, có chữ ký của các T1 phần tham gia và được dán niêm phong tại các cánh cửa, cốp và nắp ca pô của xe, xe đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng xe (Kèm theo 01 chìa khóa điện của xe ô tô trên); 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 22006937 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 30/5/2022, được đựng trong phong bì dán kín có chữ ký của Phạm Quý Xuân S, nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của anh Nguyễn Tất T1.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 17/01/2023).

Trả lại cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 22005270, cấp ngày 28/01/2022, chủ xe Nguyễn Tất T1, hiện đang được đựng trong phong bì dán kín có chữ ký của Nguyễn Hoàng T lưu theo hồ sơ vụ án để Phòng Cảnh sát giao thông xử lý theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Quý Xuân S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần có liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/02/2023.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ma Hồng Thắng